

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-PT

Ngày: 26-5-2022.

V/v: “*Tranh chấp về chia tài sản thuộc sở hữu chung  
và yêu cầu hủy di chúc trái pháp luật*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tâm  
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Đức  
Bà Lê Thị Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nghi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2021/TLPT-DS ngày 25/11/2021, về việc “*Tranh chấp về chia tài sản thuộc sở hữu chung và yêu cầu hủy di chúc trái pháp luật*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2021/QĐ-PT ngày 09/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2021/QĐ-PT ngày 28/12/2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 130/TB-PT ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Lê Văn H, sinh năm 1958; bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1959; Cùng trú tại: số 74/5, thôn Trường X, xã X, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Nguyễn Thị Tuyết H- Văn phòng luật sư An Bình- Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Cụ Huỳnh Văn T, sinh năm 1933; Trú tại: số 75/5 thôn Trường X, xã X, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ủy quyền cho bà huỳnh Thị Cẩm D, sinh năm 1966; Trú tại: Số 75/5 thôn Trường X, xã X, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản uỷ quyền ngày 18/4/2015 Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Lê Xuân T - Văn phòng luật sư Nhân Trung- Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Cụ Nguyễn Thị N, sinh năm 1928 (*Đã chết*).

*Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ N:*

1/ Bà Lê Thị C, sinh năm 1952; Trú tại: số 156/1 thôn Cầu Đất, xã X, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2/ Bà Lê Thị H, sinh năm 1956; Trú tại: số 93/6 thôn Trường X, xã X 2, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3/ Bà Lê Thị H, sinh năm 1962; Trú tại: số 95/6 thôn Trường X, xã X 2, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

4/ Bà Lê Thị L, sinh năm 1961; Trú tại: số 76/4 thôn Trường X, xã X 2, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

5/ Bà Lê Thị C, sinh năm: 1951 (*Đã chết*); trú tại: thôn Trường X, xã X 2, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

*Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Chăm:*

5.1 Anh Bùi Thanh Q, sinh năm: 1970; Trú tại: thôn Trường Sơn, xã X, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

5.2 Anh Bùi Thanh T, sinh năm: 1973; Trú tại: thôn Trường X, xã X 2, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5.3 Chị Bùi Thị Thanh T, sinh năm: 1970; Trú tại: thôn Trạm Hành 1, xã X, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5.4 Anh Bùi Thanh Tuấn, sinh năm: 1986; Trú tại: thôn Trường X, xã X, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5.5 Ông Bùi B, sinh năm: 1951. Trú tại: thôn Trường X, xã X, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Vợ chồng anh Lê Quốc P, sinh năm 1982 và chị Lê Thanh D, sinh năm 1984; Cùng trú tại: số 74/5 thôn Trường X, xã X, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Ông Phong có mặt, bà Dung vắng mặt.

- Vợ chồng anh Lê Quốc B, sinh năm 1985 và chị Lương Thị Ngọc L, sinh năm 1987; Cùng trú tại: số 74/5 thôn Trường X, xã X, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Ông Bảo có mặt, bà Linh vắng mặt.

- Vợ chồng ông Trần Văn B, sinh năm 1965 và bà huỳnh Thị Cẩm D, sinh năm 1966; Cùng trú tại: số 75/5 thôn Trường X, xã X, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Văn phòng công chứng Võ Thị Thanh H (*Nay đổi tên thành Văn phòng công chứng Hoàng Đức N*).

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Hoàng Đức N – Trưởng văn phòng công chứng. Có đơn xét xử vắng mặt.

#### *4. Người kháng cáo:*

Nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Huỳnh Thị L;

Bị đơn cụ Huỳnh Văn T;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn Bé, bà huỳnh Thị Cẩm D; ông Lê Quốc P; ông Lê Quốc B;

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ N: bà Lê Thị C, bà Lê Thị H; bà Lê Thị H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Huỳnh Thị L trình bày:* Ông H là con của cụ Nguyễn Thị N và cụ Lê Văn T. Cụ Tiên chết năm 1962, cụ N kết hôn với cụ Huỳnh Văn T, trước kia cha mẹ ruột ông H có đất đai, cụ Tiên chết không để lại di chúc. Ông H kết hôn với bà L và chung sống với vợ chồng cụ T, cụ N từ nhỏ đến nay, có tên trong sổ hộ khẩu gia đình. Lô đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của cha ruột ông H là cụ Tiên và cụ N, sau khi cụ Tiên chết thì cha dựng ông H là cụ T có mua thêm một ít đất nữa, từ đó đến khoảng năm 2003, 2004 gia đình luôn canh tác trên diện tích đất này, sau năm 2009 thì ông H, bà L không được canh tác trên diện tích đất này nữa vì cụ T không cho làm.

Năm 1999, khi đăng ký kê khai thì anh Lê Quốc P là con trai của ông H là người làm thủ tục kê khai, nhưng kê khai tên cụ T, cụ N, sau đó Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Lạt đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho “*hộ ông Huỳnh Văn Thuận*” với diện tích 11.857m<sup>2</sup> thuộc các thửa 240, 241, 249, 250 Tờ bản đồ

số 22 (thực tế lô đất này có diện tích là  $15.941m^2$ ). Đến năm 2009, cụ T lập hợp đồng cho con riêng là bà huỳnh Thị Cẩm D, vợ chồng ông H, bà L đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đà Lạt nên đã bị thu hồi, diện tích đất hiện nay bà D, ông B đang canh tác.

Theo vợ chồng ông H, bà L diện tích đất này được cấp cho hộ gia đình, nhưng cụ N đã mất và cụ T đã già, mất sức. Hiện nay gia đình ông bà không có đất canh tác nhưng cụ T không giao cho vợ chồng ông bà quản lý, sử dụng mà lại giao cho bà D (người không có tên trong hộ gia đình) sử dụng. Nay vợ chồng ông bà đề nghị chia khối tài sản chung này theo tỷ lệ của những người trong hộ theo quy định của pháp luật. Cụ thể vợ chồng ông, bà đề nghị chia diện tích đất  $15.941m^2$  và tài sản gắn liền cho 06 người có tên trong hộ tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm: cụ Lê Văn Hành, cụ Nguyễn Thị N, ông Huỳnh Văn Thuận, bà Huỳnh Thị L, anh Lê Quốc B, anh Lê Quốc P, trong đó vợ chồng ông, bà đề nghị chia bằng hiện vật mỗi người được nhận diện tích đất tương ứng  $2.656m^2$ . Đồng thời, vợ chồng ông, bà đề nghị chia diện tích đất tại vị trí số 3, vị trí số 4 theo Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai phát hành ngày 02-7-2020 cho vợ chồng ông, bà và 02 con là Lê Quốc B, Lê Quốc P với diện tích đất tương ứng là  $10.435m^2$ . Đồng thời, vợ chồng ông, bà sẽ cùng 02 con sẽ tự thỏa thuận phân chia sau, phần đất tại vị trí số 02 theo Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai phát hành ngày 02-7-2020 chia cho cụ Lê Văn Hành và những người thừa kế của cụ Nguyễn Thị N. Đối với cây trồng gắn liền với diện tích đất được chia, vợ chồng ông, bà cùng 02 con Lê Quốc B, Lê Quốc P đồng ý thanh toán bằng giá trị số lượng cây trồng loại A tồn tại trên đất (Theo kết quả thẩm định giá ngày 28-7-2020) và thừa nhận những cây này vợ chồng cụ Hành, cụ N trồng sau này; đối với căn nhà tồn tại trên vị trí đất số 04 theo họa đồ đề nghị Tòa án xác định đây là tài sản chung của 06 người trong hộ. Về phần diện tích đất chênh lệch đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 20-01-2017 cụ Nguyễn Thị N chết, vì vậy phát sinh quyền thừa kế của cụ N. Tuy nhiên, đối với tài sản do cụ N để lại và được Tòa án chia thì vợ chồng ông, bà không tranh chấp trong vụ án này. Vợ chồng ông, bà thống nhất giao phần tài sản của cụ N được chia cho cụ Huỳnh Văn T, bà Lê Thị C là đại diện của những người kế thừa của cụ N trực tiếp quản lý sử dụng, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về thừa kế sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác. Ngoài ra, vợ chồng ông, bà cũng đề nghị Tòa án hủy một phần di chúc của cụ Huỳnh Văn T và cụ Nguyễn Thị N được xác lập vào ngày 06-9-2016 vì di chúc này định đoạt tài sản không thuộc quyền sở hữu riêng của 02 cụ.

Bị đơn cụ Huỳnh Văn T có người đại diện là bà huỳnh Thị Cẩm D trình bày: Lô đất đang tranh chấp có nguồn gốc do cụ T khai phá có diện tích khoảng 02 sào,

sau đó mua của ông Nguyễn Vạn 7 sào và khai phá thêm, đến năm 2009 thì cụ cho con gái là bà D canh tác vì ông đã già yếu. Trong thực tế cụ T là người đăng ký kê khai, còn khi cán bộ địa chính xã đi đo vẽ thì có mặt cụ tham gia và ký nhận sổ. Quá trình sử dụng đất thì vợ chồng cụ T, cụ N là người trực tiếp canh tác, gia đình ông H, bà L không canh tác gì vì cụ đã cho 09 sào đất để canh tác riêng. Vì vậy, đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng diện tích đất và tài sản gắn liền thuộc các thửa đất số 240, 241, 249, 250, tờ bản đồ số 22, xã X, thành phố Đà Lạt, diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu 237445 vào ngày 21-12-2000 đứng tên hộ ông Huỳnh Văn Thuận là tài sản thuộc quyền sử dụng của cụ Huỳnh Văn T và cụ Nguyễn Thị N. Qua yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng ông Lê Văn H, bà Huỳnh Thị L; anh Lê Quốc P, anh Lê Quốc B cụ T không đồng ý.

Đối với việc vợ chồng ông H, Lê yêu cầu Tòa án hủy một phần di chúc của cụ Huỳnh Văn T và cụ Nguyễn Thị N được xác lập vào ngày 06-9-2016 với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của cụ T bà cũng không đồng ý, di chúc được lập là hợp pháp nhằm định đoạt tài sản riêng của 02 cụ, đề nghị Tòa án công nhận di chúc nêu trên có hiệu lực pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Anh Lê Quốc P, anh Lê Quốc B:* thống nhất yêu cầu chia tài sản chung theo như đề nghị của vợ chồng ông H, bà L và thống nhất với toàn bộ ý kiến trình bày của vợ chồng ông H, bà L và tham gia tố tụng với bên nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Bà Huỳnh Thị Cẩm D, ông Trần Văn Bé* thống nhất với ý kiến trình bày của cụ Huỳnh Văn T, cụ Nguyễn Thị N và tham gia tố tụng với bên bị đơn.

- *Bà Lê Thị C, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H trình bày:* việc tranh chấp tài sản chung giữa nguyên đơn ông H, bà L và cụ T, cụ N thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi xác định được tài sản của cụ N trong khối tài sản chung các bà không đề nghị Tòa án phân chia trong vụ án này mà đề nghị Tòa án tạm giao phần tài sản của cụ N được chia cho bà Lê Thị C là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nga trực tiếp quản lý. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về thừa kế sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác. Ngoài ra, các bà cũng đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của di chúc của cụ T và cụ N ngày 06-9-2016, vì tại thời điểm xác lập di chúc thì tài sản do cụ N để lại theo di chúc chưa được Tòa án giải quyết, phân chia theo quy định của pháp luật.

- *Anh Bùi Thanh Q, anh Bùi Thanh T, chị Bùi Thị Thanh T, anh Bùi Thanh Tuấn* thống nhất trình bày: mẹ của các anh chị là bà Lê Thị C chết năm 2006; các anh chị thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Chăm gồm chồng bà Chăm là

ông Bùi B, con bà Chăm gồm 04 người là: Bùi Thanh Q, Bùi Thanh T, Bùi Thị Thanh T, Bùi Thanh Tuấn. Về việc tranh chấp tài sản chung giữa nguyên đơn ông H, bà L và bị đơn cụ T, cụ N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi xác định được tài sản của cụ N trong khối tài sản chung các anh, chị không đề nghị Tòa án phân chia trong vụ án này mà đề nghị Tòa án tạm giao phần tài sản của cụ N được chia cho bà Lê Thị C là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ N trực tiếp quản lý. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về thừa kế các anh chị sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2021/DSST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Lê Văn H, bà Huỳnh Thị L về việc khởi kiện *“Tranh chấp về chia tài sản chung”* đối với bị đơn cụ Huỳnh Văn T, cụ Nguyễn Thị N.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lê Quốc P, anh Lê Quốc B về việc khởi kiện *“Tranh chấp về chia tài sản chung”* đối với bị đơn cụ Huỳnh Văn T, cụ Nguyễn Thị N.

- Chia cho vợ chồng ông Lê Văn H, bà Huỳnh Thị L, anh Lê Quốc P, anh Lê Quốc B quyền dùng diện tích đất 10.435m<sup>2</sup> cùng tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất số 240, 241, 249, 250, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại thôn Trường Thọ, xã Trạm Hành, Thành phố Đà Lạt (*Vị trí số 3, 4 theo Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phát hành ngày 02-7-2020 kèm theo*).

- Chia cho cụ Huỳnh Văn T, cùng những người thuộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị N {gồm có cụ Huỳnh Văn T, bà Lê Thị C, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, ông Lê Văn H, bà Huỳnh Cẩm Dân (các anh Bùi Thanh Q, anh Bùi Thanh T, chị Bùi Thị Thanh T, anh Bùi Thanh Tuấn, ông Bùi B)}, quyền sử dụng diện tích 5.505m<sup>2</sup> đất cùng tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất số 240, 241, 249, 250, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại thôn Trường Thọ, xã Trạm Hành, Thành phố Đà Lạt (*Vị trí số 2 theo Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Đà Lạt phát hành ngày 02-7-2020 kèm theo*). Tạm giao cho cụ Huỳnh Văn T cùng bà Huỳnh Thị Cẩm D tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất mà cụ Nguyễn Thị N được chia.

*Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật đất đai.*

- Buộc vợ chồng ông Lê Văn H, bà Huỳnh Thị L, anh Lê Quốc P, anh Lê Quốc B có trách nhiệm liên đới thanh toán cho cụ Huỳnh Văn T, cùng những người thuộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị N {gồm có cụ Huỳnh Văn T, bà Lê Thị C, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, ông Lê Văn H, bà Huỳnh Cẩm D (các anh Bùi Thanh Q, anh Bùi Thanh T, chị Bùi Thị Thanh T, anh Bùi Thanh T, ông Bùi B)} số tiền 201.621.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Lê Văn H, bà Huỳnh Thị L về việc khởi kiện “*Yêu cầu hủy di chúc trái pháp luật*”

Tuyên bố di chúc do cụ Huỳnh Văn T, cụ Nguyễn Thị N lập ngày 06-9-2016 tại Văn phòng công chứng Võ Thị Thanh H (*Nay đổi tên thành Văn phòng công chứng Hoàng Đức N*) là vô hiệu đối với phần tài sản thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông H, bà Lê, anh Phong, anh Bảo được chia trong vụ án này (*Diện tích đất 10.435m<sup>2</sup> cùng tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất số 240, 241, 249, 250, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại thôn Trường Thọ, xã Tràm Hành, Thành phố Đà Lạt thuộc vị trí số 3, 4 theo Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phát hành ngày 02-7-2020*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2021, nguyên đơn vợ chồng ông Lê Văn H và bà Huỳnh Thị L kháng cáo một phần nội dung của bản án sơ thẩm, không đồng ý thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho bị đơn.

Ngày 13/10/2021, bị đơn cụ Huỳnh Văn T kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 13/10/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn Bé, bà huỳnh Thị Cẩm D kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 13/10/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Quốc P, anh Lê Quốc B kháng cáo một phần nội dung của bản án sơ thẩm, không đồng ý chịu 14.922.000 đồng tiền án phí.

Ngày 15/10/2021, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ N: Bà Lê Thị C, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phong, anh Bảo đề nghị Hội đồng xét xử xác định tài sản là diện tích  $11.857m^2$  thuộc các thửa 240, 241, 249, 250 Tờ bản đồ số 22 (*thực tế lô đất này có diện tích là  $15.941m^2$* ) thuộc sở hữu chung của cụ T, cụ N (đã mất); ông H, bà Lê, anh Phong, anh Bảo và đồng ý thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho bị đơn đối với diện tích đất được chia như bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định diện tích  $11.857m^2$  thuộc các thửa 240, 241, 249, 250 Tờ bản đồ số 22 (*thực tế lô đất này có diện tích là  $15.941m^2$* ) là của cụ T và cụ N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Các đương sự, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị: căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định diện tích  $11.857m^2$  thuộc các thửa 240, 241, 249, 250 tờ bản đồ số 22 (*thực tế lô đất này có diện tích là  $15.941m^2$* ) là tài sản thuộc sở hữu chung của cụ T, cụ N (đã mất), ông H, bà L và chia đều cho 04 người có tên trên theo quy định và buộc nguyên đơn thanh toán lại giá trị cây trồng trên đất cho bị đơn; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quốc P, anh Lê Quốc B về chia tài sản thuộc sở hữu chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Bùi Thanh T, chị Bùi Thị Thanh T, anh Bùi Thanh Tuấn, ông Bùi B; chị Lê Thị Dung; chị Lương Thị Ngọc L; Văn phòng công chứng Võ Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn vợ chồng ông Lê Văn H, bà Huỳnh Thị L cho rằng diện tích đất  $11.857m^2$  thuộc các thửa 240, 241, 249, 250 tờ bản đồ số 22 (*thực tế lô đất diện tích  $15.941m^2$* ) tọa lạc tại xã X, thành phố Đà Lạt có nguồn gốc là của cha ruột của ông H (cụ Tiên) và cụ N. Sau khi cụ Tiên chết thì cụ N chung sống với cụ T, cụ T mua thêm một ít đất nữa để canh tác. Năm 1999 cụ T đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Huỳnh Văn Thuận. Tại thời điểm này, hộ cụ T gồm: cụ T, cụ N, ông H, bà Lê, anh Phong, anh Bảo đang sinh sống nên đây là tài sản chung. Nay ông H, bà Lê, anh Phong, anh Bảo khởi kiện yêu cầu phân chia phần đất nói trên thì cụ T không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Đồng thời, cụ T và cụ N



lập di chúc để lại toàn bộ tài sản này cho ông Trần Văn Bé, bà huỳnh Thị Cẩm D nên vợ chồng ông H, bà Lkhông đồng ý và yêu cầu Tòa án hủy một phần di chúc nói trên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về chia tài sản thuộc sở hữu chung và yêu cầu hủy di chúc trái pháp luật*” là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Huỳnh Thị L; bị đơn cụ Huỳnh Văn T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn Bé, bà huỳnh Thị Cẩm D, anh Lê Quốc P, anh Lê Quốc B, bà Lê Thị C, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H thấy rằng:

[2.1] Nguồn gốc diện tích đất các bên đang tranh chấp 11.857m<sup>2</sup> thuộc các thửa 240, 241, 249, 250 tờ bản đồ số 22 (đo vẽ thực tế là 15.941m<sup>2</sup>) tọa lạc tại thôn Trường Thọ, xã Tràm Hành, thành phố Đà Lạt có nguồn gốc là của cha ruột ông H (cụ Tiên) và cụ N khai phá trước năm 1975. Sau khi cụ Tiên chết, cha dượng ông H (cụ T) có mua thêm diện tích đất nữa để canh tác. Ngày 26/6/1999, vợ chồng cụ T, cụ N tiến hành đăng ký kê khai và đến ngày 21/12/2000, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Huỳnh Văn Thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không có khiếu nại đối với trình tự, thủ tục xét cấp và đồng ý dùng họa đồ đo vẽ ngày 2/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Lạt sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 01/11/2000 (bút lục số 53) và sổ hộ khẩu số Q517 ngày 25/3/1990 (bút lục số 31) các nhân khẩu trong hộ gồm có: cụ Huỳnh Văn T, cụ Nguyễn Thị N, ông Lê Văn H, bà Huỳnh Thị L, anh Lê Quốc P, anh Lê Quốc B. Nguyên đơn ông H, bà Lê, anh Phong, anh Bảo (là con của ông H, bà Lê) cho rằng diện tích đất 11.857m<sup>2</sup> (đo vẽ thực tế là 15.941m<sup>2</sup>) thuộc các thửa 240, 241, 249, 250 tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại thôn Trường Thọ, xã Tràm Hành, thành phố Đà Lạt đã được việc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S237445 ngày 21/12/2000 cho hộ ông Huỳnh Văn Thuận là tài sản thuộc quyền sở hữu chung của hộ vì ông, bà cùng cụ T, cụ N, anh Phong, anh Bảo trực tiếp canh tác sử dụng diện tích đất này nên yêu cầu chia đều cho các thành viên trong hộ. Còn cụ T cho rằng diện tích đất trên là do cụ và cụ N tự tạo lập canh tác sử dụng, nguyên đơn không có công sức đóng góp trong khối tài sản này, không phải tài sản thuộc sở hữu chung nên không đồng ý chia. Qua xem xét toàn diện chứng cứ về hồ sơ xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã xem xét đến nguồn gốc đất, quá trình canh tác sử dụng đất nên đã cấp toàn bộ diện tích đất nói trên cho hộ ông Huỳnh Văn Thuận và tại thời điểm xét cấp này cụ T không có ý kiến phản đối về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Huỳnh

Văn Thuận. Mặc dù, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Huỳnh Văn Thuận trong hộ gồm có: cụ T, cụ N, ông H, bà L, anh Phong, anh Bảo.

Theo quy định tại Khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 thì “*Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Điều 212 Bộ luật Dân sự 2015 quy định. *Sở hữu chung của các thành viên gia đình:*

1. *Tài sản của các thành viên gia đình cùng sống chung gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan.*

2. *Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của các thành viên gia đình được thực hiện theo phương thức thỏa thuận. Trường hợp định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình phải có sự thỏa thuận của tất cả các thành viên gia đình là người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp luật có quy định khác”.*

Và mặc dù anh Phong, anh Bảo cùng đứng tên trong hộ như đã phân tích. Tuy nhiên, đất có nguồn gốc trước khi anh Phong, anh Bảo được sinh ra và tại phiên tòa anh Phong, anh Bảo trình bày lúc đó hai anh học lớp 8, 9 vừa đi học vừa phụ ba mẹ là ông H, bà L dọn cỏ, thì đây chỉ là nghĩa vụ của con cái không có công sức đóng góp trong việc tạo lập, tôn tạo tài sản này và tại thời điểm đăng ký kê khai anh Phong và anh Bảo chưa đủ tuổi thành niên nên không được xem là thành viên trong hộ để được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định cả anh Phong và anh Bảo cùng có quyền ngang nhau trong việc sử dụng đất này và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phong, anh Bảo để chia tài sản thuộc sở hữu chung này là không đúng. Do đó, cần xác định diện tích đất nói trên thuộc quyền sở hữu chung của cụ T, cụ N (đã mất), ông H, bà L và chia cho nguyên đơn  $\frac{1}{2}$  diện tích đất này (tương ứng với diện tích 7,971,77m<sup>2</sup>) là phù hợp, phần còn lại chia cho cụ T, cụ N (đã chết). Riêng đối với phần diện tích đất của cụ N, do các đồng thừa kế của cụ N không tranh chấp và hiện tại bà D đang sử dụng diện tích đất này nên cần tạm giao cho bà D, cụ T quản lý phần đất này sau này các đồng thừa kế của cụ N có tranh chấp thì có thể giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Tại giai đoạn phúc thẩm nguyên đơn yêu cầu Tòa án đo đạc lại diện tích đất tranh chấp, theo họa đồ đo đạc hiện trạng ngày 06/01/2022 có thể hiện trên đất có một con đường đi diện tích 143m<sup>2</sup>, chiều ngang 1,8m. Tuy nhiên, diện tích

con đường đi này không nằm trong diện tích đất các đương sự hiện nay đang tranh chấp nên các bên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này và đồng ý sử dụng hoạ đồ đo đạc ngày 2/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Đà Lạt để giải quyết vụ án. Do đó cần lấy các vị trí đo vẽ trên hoạ đồ này để chia cho nguyên đơn ông H, bà L tại vị trí số 2, 3 có diện tích ( $5.505,54\text{m}^2 + 2.466,23\text{m}^2$ ) =  $7.971,77\text{m}^2$ ) cùng toàn bộ cây trồng có trên đất, đồng thời có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cây trồng trên đất cho bị đơn và chia cho cụ T, và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của cụ N tại vị trí số 4 có diện tích  $7.969,20\text{m}^2$  cùng toàn bộ cây trồng có trên đất; 01 căn nhà cấp 4 là phù hợp. Các bên không phải thanh toán phần giá trị đất chênh lệch vì phần diện tích đất tăng thêm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giành quyền cho các bên được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động và đăng ký phần diện tích đất tăng thêm đối với phần vị trí đất được chia theo quy định.

[2.4] Đối với giá trị cây trồng trên đất, theo chứng thư thẩm định giá ngày 28/7/2020 diện tích đất nguyên đơn được chia là  $7.971,77\text{m}^2$  tại vị trí số 2: giá trị cây cà phê: 218.138.000đồng + giá trị cây hồng, bơ thường, bơ ghép 57.659.000đồng = 275.797.000đồng; vị trí số 3: giá trị cây cà phê: 97.703.000đồng + giá trị cây hồng, bơ ghép 41.380.000đồng = 139.083.000 đồng. Tổng cộng là 414.880.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà L, bà D đều xác nhận phần lớn cây trồng trên đất là do cụ T trồng, sau này ông H, bà L chỉ trồng thêm những cây bị chết và đến năm 2009 thì cụ T đã giao cho bà D quản lý và sử dụng diện tích đất trên. Sau đó, bà D, ông B có đầu tư và trồng thêm một số cây và hưởng lợi tức đối với toàn bộ cây trồng này. Tại phiên toà ông B, bà D xác định toàn bộ tài sản cây trồng trên đất là của cụ N, cụ T không có tranh chấp đối với các tài sản này, trường hợp Toà án buộc ông bà trả lại cho cụ T, cụ N thì ông bà đồng ý và không có yêu cầu bồi thường đối với giá trị đầu tư trên đất.

Như vậy, phần lớn cây trồng trên đất là do cụ T, cụ N có công duy trì, chăm sóc, tôn tạo và tạo lập. Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông H, bà L thanh toán cho cụ T 30% giá trị cây trồng trên đất là chưa đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Vì vậy, cần buộc ông H, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho cụ T 70% x 414.880.000 đồng giá trị cây trồng tương ứng với số tiền 290.416.000đồng là phù hợp.

[2.5] Đối với căn nhà cấp 4 có diện tích  $20,8\text{m}^2$  do cụ T, cụ N xây dựng và ở trên diện tích đất này, tại phiên toà được các đương sự thừa nhận là tài sản của cụ T và cụ N, nên việc ông H, bà L yêu cầu chia tài sản này là không có căn cứ.

[3] Đối với di chúc của cụ T và cụ N được xác lập vào ngày 06/9/2016 tại Văn phòng công chứng Võ Thị Thanh H (nay là Văn phòng công chứng Hoàng Đức N). Xét tại thời điểm lập di chúc để phân chia quyền sử dụng đất tại các thửa 240, 241, 249, 250 tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại thôn Trường Thọ, xã Tràm Hành,

thành phố Đà Lạt thì quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Huỳnh Văn Thuận và đang có tranh chấp chia tài sản chung với nguyên đơn, đồng thời tài sản trên thuộc quyền sở hữu chung của cụ T, cụ N, ông H và bà L. Trong khi đó cụ T, cụ N định đoạt toàn bộ tài sản thuộc sở hữu chung mà không có sự đồng ý của ông H, bà L là không đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, di chúc trên không có hiệu lực pháp luật đối với phần tài sản ông H, bà L được chia.

[4] Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn vợ chồng ông H, bà L; chấp nhận kháng cáo của bị đơn cụ T, không chấp nhận kháng cáo của ông B, bà D. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phong, anh Bảo, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Chỉ, bà Học, bà Lo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[5] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền 7.663.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, do vẽ do ông H, bà Lyêu cầu tại giai đoạn phúc thẩm, do không sử dụng bản vẽ này để giải quyết vụ án nên ông H, bà L phải chịu số tiền này ông H, bà L đã nộp và quyết toán xong.

Đối với số tiền 41.235.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định, đo vẽ và định giá do các đương sự đã tạm nộp. Cấn trừ số tiền ông H, bà L nộp 7.686.000 đồng và 24.599.000 đồng; cụ T nộp 8.950.000 đồng. Cấn trừ qua lại, cấn buộc cụ T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ N có trách nhiệm thanh toán lại cho ông H, bà L 12.931.000 đồng là phù hợp.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, bà L, phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử phúc thẩm ông H, bà L đã trên 60. Theo Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H, bà L được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm và phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Anh Phong, anh Bảo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung không được chấp nhận và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Cụ T, ông Học, bà Lo, bà Chỉ, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông B, bà D, anh Phong, anh Bảo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Huỳnh Thị L.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn cụ Huỳnh Văn T.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn Bé, bà huỳnh Thị Cẩm D, anh Lê Quốc P, anh Lê Quốc B.

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị H, bà Lê Thị C, bà Lê Thị H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DSST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Tuyên Xử.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Lê Văn H, bà Huỳnh Thị L về việc khởi kiện “*Tranh chấp về chia tài sản chung*” đối với bị đơn cụ Huỳnh Văn T, cụ Nguyễn Thị N.

- Giao cho vợ chồng ông Lê Văn H, bà Huỳnh Thị L quyền sử dụng đất tại vị trí số 2, 3 có diện tích  $(5.505.54m^2 + 2.466,23m^2) = 7.971,77m^2$  cùng toàn bộ cây trồng có trên đất thuộc các thửa 240, 241, 249, 250, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại thôn Trường Thọ, xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt.

- Giao cho cụ Huỳnh Văn T, cùng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ N (gồm cụ Huỳnh Văn T, bà Lê Thị C, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, ông Lê Văn H, bà huỳnh Thị Cẩm D, bà Lê Thị C (đã chết) (những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Chăm: anh Bùi Thanh Q, anh Bùi Thanh T, chị Bùi Thị Thanh T, anh Bùi Thanh Tuấn, anh Bùi B) quyền sử dụng đất tại vị trí số 4 có diện tích  $7.969.20m^2$  cùng toàn bộ cây trồng có trên đất; 01 căn nhà cấp 4. Tạm giao cho cụ Huỳnh Văn T, bà huỳnh Thị Cẩm D tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất mà cụ N được chia.

*(Có danh mục tài sản ngày 28/7/2020 của Công ty Thẩm định và định giá Thương Tín và họa đồ đo vẽ ngày 2/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Đà Lạt kèm theo)*

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký biến động và đăng ký phần diện tích đất tăng thêm đối với phần vị trí đất được chia theo quy định của pháp luật.

Buộc vợ chồng ông Lê Văn H và bà Huỳnh Thị L có trách nhiệm thanh toán cho cụ Huỳnh Văn T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ N gồm (cụ Huỳnh Văn T, bà Lê Thị C, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, ông

Lê Văn H, bà huỳnh Thị Cẩm D; bà Lê Thị C (đã chết) (những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Chăm: anh Bùi Thanh Q, anh Bùi Thanh T, chị Bùi Thị Thanh T, anh Bùi Thanh Tuấn, anh Bùi B) số tiền 290.416.000 đồng.

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Lê Văn H, bà Huỳnh Thị L về việc khởi kiện “*Yêu cầu hủy di chúc trái pháp luật*”

Tuyên bố di chúc do cụ Huỳnh Văn T, cụ Nguyễn Thị N lập ngày 06/9/2016 tại Văn phòng công chứng Võ Thị Thanh H (nay là Văn phòng công chứng Hoàng Đức N) vô hiệu đối với phần tài sản thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông H, bà L được chia là 7.971,77m<sup>2</sup> cùng tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất số 240, 241, 249, 250, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại thôn Trường Thọ, xã Tràm Hành, thành phố Đà Lạt.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lê Quốc P, anh Lê Quốc B về việc kiện “*Tranh chấp về chia tài sản chung*” với bị đơn cụ Huỳnh Văn T, cụ Nguyễn Thị N.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc cụ Huỳnh Văn T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ N gồm (cụ Huỳnh Văn T, bà Lê Thị C, bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, ông Lê Văn H, bà huỳnh Thị Cẩm D, bà Lê Thị C (đã chết) (những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Chăm: anh Bùi Thanh Q, anh Bùi Thanh T, chị Bùi Thị Thanh T, anh Bùi Thanh Tuấn, anh Bùi B) có trách nhiệm trả cho ông H, bà L 12.931.000 đồng.

5. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho vợ chồng ông Lê Văn H, bà Huỳnh Thị L 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 09780 ngày 14/01/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Hoàn trả cho cụ Huỳnh Văn T số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001019 ngày 02/4/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Buộc anh Lê Quốc P, anh Lê Quốc B mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 5.100.000 đồng tiền tạm ứng

án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002221 ngày 06/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đà Lạt. Hoàn trả cho anh Phong, anh Bảo số tiền 4.500.000 đồng án phí còn thừa.

+ Án phí phúc thẩm:

Buộc anh Lê Quốc P và anh Lê Quốc B mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001184; 0001183 ngày 08/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Anh Phong, anh Bảo đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Buộc ông Trần Văn Bé, bà huỳnh Thị Cẩm D phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001198 ngày 10/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Ông B, bà D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị H 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001199 ngày 10/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA;
- TAND T.p Đà Lạt;
- Chi cục Thi hành án dân sự T.p Đà Lạt;
- Các đương sự; (21)
- Lưu án văn, hồ sơ (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Tâm**





